

Số: 89 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 6 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo ngày 05 tháng 6 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3274/TTr-CCBVMT ngày 06 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo, địa chỉ tại Khu phố 2, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học Tân Hiệp tại ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học Tân Hiệp

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

1.3. Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng bổ sung Trường Tiểu học Tân Hiệp; Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 phê duyệt dự án Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học Tân Hiệp.

1.4. Mã số thuế: 3701406885.

1.5. Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo số 227/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo.

1.6. Loại hình dự án: công trình giáo dục.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án số 2903/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Tổng diện tích dự án 10.071m² trong đó: diện tích sử dụng 8.387m²; diện tích đất hành lang an toàn đường bộ 1.684m².

- Quy mô:

+ Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

+ Các hạng mục xây dựng mới: Khối phòng học 2 (28 phòng) diện tích 972,73m²; nhà vận hành trạm xử lý nước thải diện tích 10,5m²; nhà bảo vệ diện tích 21,5m²; cổng chính, cổng phụ; nhà xe giáo viên 1, 2 diện tích 115,8m²; cột cờ; sân chơi cát diện tích 60m²; đường nội bộ bổ sung diện tích 1.798,2m² (cải tạo: 1.465,9m², làm mới: 332,3m²); bó vỉa, cây xanh, trồng cỏ; bể nước ngầm diện tích 91m².

+ Hạng mục cải tạo, nâng cấp các khối công trình hiện hữu: Khối hiệu bộ và khối phòng học 1 (3 tầng) diện tích 949,5m²; khối nhà ăn (cải tạo thành nhà đa năng, nhà ăn, nhà bếp) diện tích 891,8m²; khối phòng học 2 (cải tạo thành nhà xe giáo viên và học sinh) diện tích 196m²; khu vệ sinh ngoài trời, phòng giặt, phòng giao nhận đồ và sân phơi (cải tạo, nâng cấp) diện tích 67,2m²; sửa chữa tường rào; sân trường (cải tạo) diện tích 1.342,71m².

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống phòng cháy chữa cháy; hệ thống chống sét; hệ thống xử lý nước thải.

1.8. Đơn vị thụ hưởng: Trường Tiểu học Tân Hiệp.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo và Trường Tiểu học Tân Hiệp:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo và Trường Tiểu học Tân Hiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình thu gom, đấu nối nước thải, bảo đảm nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và bàn giao lại cho Trường Tiểu học Tân Hiệp. Trường Tiểu học Tân Hiệp có trách nhiệm tiếp tục quản lý và thực hiện đầy đủ các công tác bảo vệ môi trường theo đúng giấy phép môi trường đã được cấp phép.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

C. N. K.
T. N. V. A.
H. N. G.
D. U. O. N. G.

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-STNMT ngày 6 tháng 7 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của học sinh, giáo viên và nhân viên với lưu lượng 32 m³/ngày.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà vệ sinh ngoài trời và khu phòng giặt với lưu lượng 20 m³/ngày.
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn sinh với lưu lượng 33 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Nước Trong, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương sau đó đổ vào sông Bé.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Nước Trong (đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp chấp thuận đầu nối nước thải sau khi được xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A vào suối Nước Trong tại Văn bản số 36/UBND-MT ngày 21 tháng 4 năm 2023).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m)=1251545; Y(m)= 608639 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 85 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột A sẽ được gom vào tuyến ống uPVC DN50mm → Tuyến ống uPVC DN125mm dài 204m dọc đường giao thông nông thôn → Suối Nước Trong → Sông Bé.

- Hình thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 /24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, k=1,2, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	600		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/L	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	6		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	7,2		
11	Coliform	MPN/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:

- Nguồn số 1:

+ Nước thải từ các nhà vệ sinh → Thu gom bằng đường ống uPVC D114 – D140mm → Bể tự hoại (03 bể thể tích 10m³, 1 bể thể tích 7m³, 1 bể thể tích 6m³ và 1 bể thể tích 3m³) → Hồ ga thu gom → Đường ống HDPE D200mm → Công trình xử lý nước thải.

+ Nước thải từ bồn rửa tay, súc miệng của học sinh, giáo viên và nhân viên → Thu gom bằng đường ống uPVC D90 - D140mm → Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 2: Nước thải từ phòng giặt → Thu gom bằng đường ống uPVC D114mm → Hồ ga thu gom → Đường ống HDPE D200mm → Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 3: Nước thải từ nhà bếp → Bể tách dầu → Thu gom bằng đường ống uPVC D114mm → Hồ ga thu gom → Đường ống HDPE D200mm → Công trình xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh (sau bể tự hoại) + Nước thải nhà bếp (sau bể tách dầu) + Nước thải bồn rửa tay, súc miệng của học sinh + Nước thải từ phòng giặt → Hồ thu gom → Bể RAST → Ngăn xử lý sinh học thiếu khí → Ngăn xử lý sinh học hiếu khí → Ngăn lọc màng MBR → Ngăn khử trùng → Hồ ga thoát nước ra suối Nước Trong.

- Công suất thiết kế: 85 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất dinh dưỡng, Javen.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Khi công trình xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể RAST, trong trường hợp bể RAST không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể kỵ khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải (tại hố thu gom).
- Mẫu đầu ra công trình xử lý nước thải (sau ngăn khử trùng) (theo vị trí được cấp phép tại phần A của phụ lục, tọa độ: $X(m)=1251545$; $Y(m)=608639$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn hiệu chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).
- Loại mẫu: mẫu đơn.
- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại hố thu gom và 03 mẫu nước thải đầu ra sau ngăn khử trùng).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo phương án đấu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước

thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra, lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường .



[Handwritten signature]

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **89** /GPMT-STNMT ngày **6** tháng **7** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ bể RAST, ngăn anoxic, ngăn xử lý hiếu khí và bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải của dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 1251544$; $Y(m) = 608906$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^0 45'$, múi chiều 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $500m^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $k_p = 1$, $k_v = 1,2$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	60		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về công trình xử lý khí thải:

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ bể điều hòa, ngăn anoxic, ngăn xử lý hiếu khí, bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải có thành phần chủ yếu là H_2S , NH_3 , CH_3SH được thu gom bằng quạt hút cao áp (*lưu lượng $500m^3/giờ$*) qua các đường ống dẫn uPVC đường kính 90mm về công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*mùi hôi*) → Hệ thống ống dẫn (uPVC đường kính 90mm) → Quạt hút (*lưu lượng $500m^3/giờ$*) → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (*tháp hình trụ, $D = 01m$, chiều cao $1,8m$*) → Ống phát thải (*ống uPVC đường kính 90mm, chiều cao $8m$*).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 200kg/năm, tần suất thay thế khoảng 3 tháng/lần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (*dự kiến từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: $X(m) = 1251544$; $Y(m) = 608906$ (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01*

X.H.C.
SỞ
TUYÊN
TRƯỜNG
DUONG

mẫu tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.



Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-STNMT ngày 6 tháng 7
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Khu vực hệ thống xử lý nước thải (từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ: X(m) = 1251544; Y(m) = 608906 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; tạo khoảng cách cách ly và trồng cây xanh trong khuôn viên trạm xử lý nước thải theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.



2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-STNMT ngày 6 tháng 7
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi)	200	Rắn	12 10 04	NH
2	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	21,24	Rắn	16 01 06	NH
3	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	100	Rắn/lỏng	16 01 09	KS
4	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	30	Lỏng	16 01 10	KS
5	Pin, ắc quy thải	10,26	Rắn	16 01 12	NH
6	Linh kiện, thiết bị điện tử, đèn led	9	Rắn	16 01 13	NH
7	Bao bì mềm có các thành phần nguy hại	10	Rắn	18 01 01	KS
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại: chai xịt thơm phòng, chai xịt côn trùng....	20,25	Rắn	18 01 02	KS
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	20,25	Rắn	18 01 03	KS
10	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	12,15	Rắn	18 02 01	KS
TỔNG CỘNG		260,15			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 10	1.159,2
2	Bùn thải từ bể tự hoại	Bùn	-	31.104
3	Dầu mỡ từ bể tách mỡ	Bùn	12 06 11	454,5
Tổng				32.717,7

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của học sinh và công nhân viên, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa,...), rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn...), khối lượng phát sinh khoảng 1.335,6 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 10 thùng chứa (dung tích mỗi thùng 60 lít) có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 8m² (đặt cạnh nhà điều hành công trình xử lý nước thải của dự án).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao xung quanh và mái che; nền được gia cố bằng bê tông chống thấm, đảm bảo kín mít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; nhà chứa chất thải nguy hại phải có cửa và ổ khóa, bên ngoài dán biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định (kích thước mỗi chiều khoảng 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);...theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 01 thùng chứa loại 240 lít (có nắp đậy) để lưu chứa dầu mỡ thải; bùn phát sinh từ bể tự hoại chứa trong bể tự hoại, công trình xử lý nước thải chứa trong bể chứa bùn (thể tích 5m³).

- 01 kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường diện tích 15m² (đặt cạnh nhà điều hành công trình xử lý nước thải của Dự án).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 15 thùng loại 120 lít có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa và phân loại chất thải rắn: diện tích 15m² (đặt cạnh nhà điều hành công trình xử lý nước thải của Dự án).

- Thiết kế, cấu tạo của nhà lưu chứa và phân loại chất thải rắn: Được xây dựng bằng tường gạch, có mái che, khung sắt, nền đổ bê tông, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Xây dựng quy định quản lý trường học, hướng dẫn nhân viên thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải phải xử lý, chất thải nguy hại), trang bị các bao bì, thùng chứa (dán nhãn theo từng loại rác thải) phù hợp để lưu trữ các loại chất thải; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU VỀ KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-STNMT ngày 6 tháng 7 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các chất thải từ các quá trình thi công, đảm bảo mọi loại chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động thi công của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.
4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
7. Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh và phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.
8. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
10. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
11. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

N VI
SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG

12. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

13. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

14. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

